

**PHÁP LUẬT VỀ CÔNG CHỨNG SỐ Ở MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ
KINH NGHIỆM THAM KHẢO CHO VIỆT NAM**

HUỲNH THỊ HỒNG NHIÊN*

Ngày nhận bài: 27/02/2023

Ngày phản biện: 19/07/2023

Ngày đăng bài: 31/12/2023

Tóm tắt:

Công chứng số đã được thực hiện ở nhiều quốc gia trên thế giới với đa dạng cách thức tiếp cận khác nhau. Tại Việt Nam, chuyển đổi số trong hoạt động công chứng là tất yếu, bởi công chứng không chỉ là một dịch vụ công đích thực mà sản phẩm, kết quả của hoạt động công chứng có liên quan chặt chẽ đến nhiều dịch vụ hành chính công và dịch vụ công khác. Trong bài viết này, tác giả lựa chọn ba quốc gia gồm Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Mông Cổ với những thành công nổi bật trong quá trình quy định và áp dụng pháp luật về công chứng số, hy vọng sẽ mang đến những phân tích có giá trị tham khảo trong việc thực hiện hiện công chứng số tại Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa:

công chứng, công chứng số, công chứng điện tử.

Abstract:

Several nations throughout the world have embraced digital notarization using a number of different methods. In Vietnam, notarization must undergo a digital transition since not only is it a legitimate public service, but many administrative activities are intimately tied to the outputs and outcomes of notarization. public services in general and others. In order to bring valuable analysis and reference for the implementation of digital notarization in Vietnam in the near future, the author chose three nations: the United States, Korea, and Mongolia, all of which have had outstanding success in the process of regulating and applying the law on digital notarization.

Keywords:

notarization, Digital Notary, E – Notary.

* Giảng viên Khoa Luật Hành chính – Nhà nước, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh; Email: hthnhien@hcmulaw.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, các nước trong khu vực và thế giới đã và đang đồng loạt tiến hành chuyển đổi số, các văn bản giấy, thủ công (truyền thống) được thay thế dần bởi các văn bản, dữ liệu pháp lý dưới dạng số. Quá trình nghiên cứu cho thấy, áp dụng công chứng số hoàn toàn có thể đem lại hiệu quả vượt trội trong việc thực thi các nhiệm vụ cơ bản của công chứng so với cách làm truyền thống trước đây; đây cũng là đòi hỏi tất yếu và là cơ hội để Việt Nam hội nhập với quốc tế trong lĩnh vực tư pháp nói chung và công chứng nói riêng. Chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động công chứng là tận dụng sức mạnh của công nghệ kỹ thuật số để phát huy rõ nét hơn vai trò, chức năng và nhiệm vụ của công chứng. Trước tình hình thực tế đang diễn ra tại Việt Nam đó là vấn đề chuyển đổi số trong hoạt động công chứng đã được đề cập nhưng những quy định hiện hành chỉ dừng lại ở mức độ “nhắc đến”, “điểm danh” chứ chưa chứa đựng những nội dung chi tiết và cũng chưa chỉ rõ một lộ trình cụ thể cho việc xây dựng hoàn thiện mô hình công chứng số. Chính vì vậy, trong phạm vi bài viết, những nội dung sẽ được tác giả phân tích gồm: (1) Khái quát về công chứng số; (2) Pháp luật về công chứng số ở một số quốc gia trên thế giới; (3) Thực tiễn quy định và thực hiện công chứng số ở Việt Nam và (4) Những kinh nghiệm tham khảo trong thời gian tới.

2. Khái quát về công chứng số

Thứ nhất, chuyển đổi số trong hoạt động công chứng

Chuyển đổi số trong hoạt động công chứng là một quy luật tất yếu, bởi kết quả của hoạt động công chứng có liên quan chặt chẽ đến nhiều dịch vụ hành chính công và chuyển đổi số lĩnh vực công chứng không chỉ đơn thuần là việc số hóa hồ sơ giấy mà còn là việc chia sẻ, kết nối dữ liệu về công chứng với các cơ sở dữ liệu điện tử khác. Việc chuyển đổi số sẽ cho phép nghiệp vụ công chứng được thực hiện từ xa, rút ngắn khoảng cách về thời gian, không gian thực hiện và thay đổi hoàn toàn phương thức lưu trữ truyền thống. Chuyển đổi số trong lĩnh vực công chứng cũng đem lại các lợi ích vượt trội giúp ngăn ngừa rủi ro pháp lý cho các tổ chức, cá nhân, nhà nước và các chủ thể có liên quan, giúp đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội trong việc gửi, nhận thông tin nhanh chóng, dễ dàng, tiết kiệm, việc đối soát, xác thực, xử lý thông tin nhanh chóng, chính xác.

Bản thân chuyển đổi số đã là một quá trình biến đổi (thậm chí thay thế hoàn toàn) từ cách làm hiện tại sang cách làm hoàn toàn khác biệt, nhằm tạo “đòn bẩy” để thu được

nhieu giá trị hơn. Do đó, chuyển đổi số trong hoạt động công chứng được định nghĩa là sự thay đổi căn bản cách thức tổ chức, xây dựng, thực thi, quản lý các quy trình và hoạt động cung cấp dịch vụ công chứng dựa trên nền tảng công nghệ kỹ thuật số nhằm tạo ra giá trị và hiệu quả cao hơn¹. Cụ thể là, thực hiện toàn bộ quy trình công chứng thông qua nền tảng công nghệ như việc gửi yêu cầu công chứng, soạn thảo văn bản công chứng, ký của các bên và của công chứng viên, thu - nộp phí, thù lao, lưu trữ văn bản công chứng và cung cấp thông tin liên quan đến hồ sơ công chứng trên môi trường điện tử; trong đó giá trị văn bản công chứng điện tử có giá trị như văn bản công chứng trên giấy.

Thứ hai, công chứng số và công chứng điện tử

Hiện nay, có hai quan điểm chính liên quan đến thuật ngữ “*Công chứng điện tử*” (E - Notary) và “*Công chứng số*” (Digital Notary). Theo đó, quan điểm thứ nhất cho rằng hai thuật ngữ này được sử dụng như là một, với ý nghĩa là việc công chứng viên chứng nhận tài liệu bằng phương thức điện tử²; quan điểm thứ hai cho rằng, “*Công chứng điện tử*” là khái niệm có nội hàm rộng hơn “*Công chứng số*”, bởi vì người dân có thể thực hiện nhiều hoạt động bằng công nghệ và thiết bị điện tử mà không phải là công nghệ số. Tuy nhiên, vào đầu những năm 2000, khi những quốc gia đầu tiên có ý tưởng áp dụng công chứng điện tử thì công nghệ số đã phát triển mạnh mẽ, được áp dụng phổ biến vào hầu hết các hoạt động có sử dụng thiết bị điện tử để truyền dẫn và lưu trữ thông tin. Do vậy, “*E-notary*” và “*Digital notary*” được sử dụng với ý nghĩa giống nhau³.

Từ những phân tích trên, có thể đi đến kết luận rằng, khái niệm “*Công chứng số*” có nội hàm hẹp hơn so với “*Chuyển đổi số trong hoạt động công chứng*”⁴. Cụ thể, thuật ngữ “*Công chứng số*” được sử dụng phổ biến hiện nay giống như sự kết hợp giữa số hóa dữ liệu và số hóa quy trình trong hoạt động công chứng, bao gồm việc chuyển đổi các dữ liệu bằng văn bản sang dạng số và sử dụng một số thiết bị, công nghệ kỹ thuật số để thực hiện hoạt động công chứng, nó cũng bao gồm cả hoạt động công chứng trực tuyến, chứng

¹ Khanh, B.N., Linh, P.X. (2022), Electronic Notarization in the Context of Digital Transformation in Vietnam: Challenges and Recommendations, *International Transaction Journal of Engineering, Management, & Applied Sciences & Technologies*, 13(9), 13A9U, p.1-13, <http://TUENGR.COM/V13/13A9U.pdf>, DOI: 10.14456/ITJEMAST.2022.189.

² Một trong những phương thức thực hiện công chứng điện tử là sử dụng chữ ký số và con dấu số để chứng nhận và xác nhận tính hợp lệ bằng chứng thư số.

³ Guy Pearson (2022), *Online notarization vs. electronic notarization*, <https://notary.pandadoc.com/blog/online-notarization-vs-electronic-notarization/>, truy cập ngày 22/02/2023.

⁴ Gartner (2021), *Inc: Information Technology Glossary “Digitization”*, <https://www.gartner.com/en/information-technology/glossary/digitization>, truy cập ngày 22/02/2023.

nhận các văn bản điện tử bằng cách sử dụng con dấu, chữ ký, chứng chỉ xác thực điện tử. Như vậy, việc xây dựng “*Công chứng số*” là một phần của quá trình “*Chuyển đổi số trong hoạt động công chứng*”⁵.

3. Pháp luật về công chứng số ở một số quốc gia trên thế giới

“*Công chứng số*” với ý nghĩa như đã đề cập ở nội dung trên đã được áp dụng ở nhiều quốc gia trên thế giới và bước đầu tạo ra những thay đổi đáng kể trong việc cung cấp dịch vụ công chứng để đáp ứng các đòi hỏi của xã hội. Tùy vào điều kiện và đặc điểm của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ mà “*công chứng số*” được áp dụng ở những phạm vi, mức độ khác nhau.

Thứ nhất, Hoa Kỳ

Tại Hoa Kỳ, dịch vụ công chứng số vô cùng phát triển, trải khắp các bang nhưng chủ yếu tập trung phát triển trong khối tư nhân. Loại hình dịch vụ này cho phép người dân có thể chứng thực một số loại văn bản nhân thân thông thường, các giấy tờ mua bán, chữ ký... một cách thuận tiện và nhanh chóng. Bên cạnh đó, khách hàng chỉ cần tải tài liệu lên mạng, xác nhận danh tính của bản thân bằng thẻ căn cước thông qua một phần mềm, sau đó sẽ gọi video trực tiếp cho công chứng viên để tiến hành xác nhận. Cuối cùng, một tài liệu với chữ ký điện tử được mã hóa sẽ được gửi tới email của khách hàng và sẵn sàng để chuyển đi bất kì đâu⁶.

Cụ thể như, ngay khi đại dịch COVID-19 bùng phát, Hoa Kỳ đã có quy định cụ thể và việc chuyển toàn bộ các hoạt động công chứng lên trực tuyến gọi là Luật về công chứng trực tuyến từ xa (Remote online notary laws - RON). Quy định này nói rõ về các thủ tục cần thiết khi tiến hành việc công chứng trực tuyến bắt buộc với người dân và văn phòng công chứng và sẽ áp dụng ngay cả khi dịch bệnh kết thúc. Với RON, yêu cầu pháp lý rằng người ký tên phải xuất hiện trực tiếp và thực tế trước công chứng viên được đáp ứng bằng cách sử dụng công nghệ truyền thông điện tử nghe nhìn. Vai trò quan trọng của công chứng viên khi tuyên bố được đưa ra hoặc chữ ký được thực hiện trên hồ sơ hiện được thực hiện từ xa qua internet, với tài liệu ở dạng điện tử. Công chứng trực tuyến từ xa còn được

⁵ Arrow Electronics (2020), Inc: “*Analog vs. Digital Signals – What the Difference?*”, <https://www.arrow.com/en/research-and-events/articles/analog-vs-digital-what-is-an-analog-signal>, truy cập ngày 22/02/2023.

⁶ DocuSign Contributor (2023), *A Guide to Remote Online Notarization*, <https://www.docusign.com/blog/remote-online-notarization-guide>, truy cập ngày 23/02/2023.

gọi là công chứng từ xa, công chứng qua webcam, công chứng trực tuyến hay công chứng ảo⁷.

Hoặc Dự luật 3533 của Thượng viện Hoa Kỳ (Thượng nghị sĩ Mark Warner và Kevin Cramer giới thiệu) được đưa ra vào ngày 18 tháng 3 năm 2020 đã trở thành Đạo luật Bảo mật và Quyền Thương mại Sử dụng Công chứng Từ xa và Điện tử năm 2020 (the Securing and Enabling Commerce Using Remote and Electronic Notarization Act of 2020) (gọi tắt là Đạo luật Bảo Mật Công Chứng - the “Secure Act”). Văn bản này yêu cầu công nghệ chống giả mạo trong công chứng điện tử, yêu cầu xác thực đa yếu tố và bổ sung cho luật hiện hành của tiểu bang bằng cách cho phép các tiểu bang linh hoạt thực hiện các tiêu chuẩn RON của riêng họ. Hiệp hội Quyền sở hữu Đất đai Hoa Kỳ (The American Land Title Association - ALTA) đã lên tiếng ủng hộ công khai dự luật này. Không những thế, đây như là một đạo luật lưỡng đảng cho phép và thiết lập các tiêu chuẩn tối thiểu cho các công chứng điện tử và từ xa hoặc ảnh hưởng đến thương mại giữa các tiểu bang⁸; cho phép mọi công chứng viên ở Hoa Kỳ thực hiện các công chứng trực tuyến từ xa (RON) bằng cách sử dụng liên lạc nghe nhìn và công nghệ giả mạo liên quan đến các giao dịch giữa các tiểu bang⁹.

Mặt khác, nhiều tiểu bang không có Luật RON nhưng có quy chế công chứng điện tử (E-Notarization)¹⁰. Điều quan trọng là phải phân biệt các quy chế này với đạo luật RON khi kiểm tra luật công chứng của tiểu bang. Các quy chế về công chứng điện tử vẫn yêu cầu người đứng đầu phải có mặt trực tiếp cùng với công chứng viên nhưng cho phép công chứng viên sử dụng con dấu điện tử. Mặc dù quy chế về công chứng điện tử không cung

⁷ Có 23 cơ tiểu bang đã thông qua Luật RON. Bao gồm: Arizona, Nebraska, Tennessee, Texas, Utah, Wisconsin, Florida, Idaho, Indiana, Iowa, Kentucky, Maryland, Michigan, Minnesota, Montana, Nevada, North Dakota, Ohio, Oklahoma, South Dakota, Vermont, Virginia, and Washington. Theo Alerts (2020), *Remote Online Notarization and COVID-19*, <https://www.huschblackwell.com/newsandinsights/remote-online-notarization-and-covid-19>, truy cập ngày 23/02/2023.

⁸ Một phiên bản gần như giống hệt của dự luật đã được giới thiệu tại Hạ viện vào ngày 23 tháng 3 năm 2020 với tên gọi H.R.6364. Theo Uniform Law Commission (2022), *Electronic Transactions Act*, <https://www.uniformlaws.org/committees/communityhome?CommunityKey>, truy cập ngày 23/02/2023.

⁹ Tại bang Pennsylvania của Mỹ, công chứng điện tử (e-Notification) được hiểu là hoạt động công chứng dưới dạng điện tử. Công chứng viên và khách hàng đều ký bằng chữ ký điện tử, cả chứng chỉ công chứng và con dấu công chứng đều được gắn hoặc liên kết một cách hợp lý với hồ sơ điện tử. Thay vì văn bản giấy và con dấu công chứng bằng cao su, công chứng viên kỹ thuật số đặt thông tin con dấu của mình vào một văn bản tồn tại dưới dạng dữ liệu điện tử ở dạng máy tính có thể đọc được. Theo National Association of Secretaries of State (2022), *Remote Electronic Notarization Task Force*, <http://www.nass.org/initiatives/remote-electronic-notarization-task-force>, truy cập ngày 23/02/2023.

¹⁰ Notarize (2021), *A Peek Inside the US Economy: Here's What America Notarized in 2020*, <https://www.notarize.com/blog/2020-year-inreview>, truy cập ngày 23/02/2023.

cấp cùng mức độ an toàn và khoảng cách xã hội như RON, nhưng ít nhất có thể giảm phần nào các liên hệ nguy hiểm tiềm ẩn bằng cách cho phép truyền tải tài liệu điện tử, trái ngược với việc gửi tài liệu vật lý có chữ ký gốc qua đường bưu điện.

Thứ hai, Hàn Quốc

Theo báo cáo của Hiệp hội công chứng viên Hàn Quốc, “*Công chứng là hệ thống lưu giữ chứng cứ dạng văn bản, nhằm ngăn ngừa tranh chấp và tạo điều kiện để thực hiện các quyền của cá nhân*”. Từ năm 2010, Hàn Quốc cho phép xác nhận người dùng là công chứng viên thông qua máy tính hoặc điện thoại thông minh¹¹. Tuy nhiên, trước đây do chưa có quy định cho phép yêu cầu công chứng qua hình ảnh nên kể cả khi sử dụng hệ thống công chứng điện tử, người yêu cầu vẫn phải đến tổ chức hành nghề công chứng ít nhất một lần để gặp trực tiếp công chứng viên¹².

Hệ thống công chứng điện tử (E – Notarization System) của Hàn Quốc yêu cầu¹³:

- (1) Công chứng viên được trang bị một số phương tiện nhất định được gọi là công chứng viên được chỉ định (The designated notary).
- (2) Một người muốn có tài liệu điện tử được công chứng thì có thể nhập chữ ký điện tử vào văn bản hoặc xác minh việc thiết lập xác thực chữ ký điện tử.
- (3) Công chứng viên sẽ chứng thực yêu cầu.
- (4) Các thông tin về sự việc phải được nêu rõ và được đính kèm với tài liệu điện tử theo phương thức số.
- (5) Công chứng viên có thể xác nhận văn bản điện tử nếu văn bản điện tử đó phù hợp với văn bản cần được số hóa sau khi đối chiếu các văn bản với nhau.

¹¹ Hệ thống này hữu ích khi Người yêu cầu công chứng sinh sống ở nơi không có Công chứng viên hoặc ngoài Hàn Quốc và giúp giảm bớt chi phí. Tuy nhiên, trước đây do Hàn Quốc không có quy định cho phép nhận yêu cầu công chứng thông qua hình ảnh nên ngay cả khi sử dụng hệ thống công chứng điện tử, Người yêu cầu công chứng vẫn phải đến tổ chức hành nghề công chứng ít nhất 01 lần để gặp trực tiếp Công chứng viên. Theo Phan Thị Bình Thuận, *Công chứng điện tử tại Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 20 (420), tháng 10/2020.

¹² Khanh, B.N., Linh, P.X. (2022), Electronic Notarization in the Context of Digital Transformation in Vietnam: Challenges and Recommendations, *International Transaction Journal of Engineering, Management, & Applied Sciences & Technologies*, 13(9), 13A9U, p.1-13, <http://TUENGR.COM/V13/13A9U.pdf>, DOI: 10.14456/ITJEMAST.2022.189.

¹³ Korean Notaries Association (CAN) (2020), *Notarization System in Korean*, <http://www.koreanotary.or.kr/wp-content/uploads/2014/10/KNA-presentation.pdf?PHPSESSID=31801633879958cf5fbd8c1588ef5ff5&ckattempt=1>, truy cập ngày 24/02/2023.

Từ ngày 20 tháng 6 năm 2018, luật pháp Hàn Quốc mới cho phép người yêu cầu công chứng gặp công chứng viên thông qua hội nghị trực tuyến (video-conference) và nhận văn bản công chứng trực tuyến, thay vì phải trực tiếp đến tổ chức hành nghề công chứng. Tuy nhiên, không phải tất cả các công chứng viên đang hành nghề đều có thể thực hiện quy trình này mà chỉ có một số công chứng viên được cấp phép mới được thực hiện nên Bộ Tư pháp Hàn Quốc phải giải quyết một số vấn đề về kỹ thuật để có thể kiểm tra và xác nhận người dùng (Công chứng viên) và phải có sự phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ (là cơ quan cấp thẻ hành nghề công chứng). Hơn nữa, tại Hàn Quốc, khi chứng nhận cho văn bản cá nhân, việc đầu tiên là công chứng viên phải yêu cầu khách hàng ký tên hoặc đóng dấu lên giấy tờ, hoặc yêu cầu họ hoặc đại diện của họ ký, xác minh chữ ký hoặc con dấu đóng trên giấy tờ và nêu rõ điều này trong văn bản. Bởi, Luật Công chứng Hàn Quốc không có một quy định nào về giá trị chứng minh và hiệu lực thi hành của các văn bản công chứng; tuy nhiên Luật lại có quy định cho phép công chứng viên có thể soạn thảo văn bản cho phép cưỡng chế thi hành và gắn nó vào hồi phiếu hoặc séc.

Thứ ba, Mông Cổ

Trung tâm dữ liệu Quốc gia Mông Cổ (The Mongolia National Data Center - NDC) được thành lập theo Nghị quyết 183 của Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 6 năm 2009, trên cơ sở triển khai các khung dự án như “*Chính phủ điện tử*” (E - Government), “*Mông Cổ điện tử*” (E - Mongolia), “*Hệ thống tích hợp thống nhất đăng ký*” (Registration Integrated Unified System), “*Đảm bảo an ninh thông tin quốc gia*” (Ensure National Information Security). NDC là một tổ chức nhà nước với chức năng chính là năng lưu trữ và chia sẻ tất cả cơ sở dữ liệu của tất cả các cơ quan chính phủ, cung cấp các dịch vụ lưu trữ, bảo vệ và sản xuất dữ liệu kỹ thuật số quốc gia của Mông Cổ.

Kể đến là Luật Chữ ký số được thông qua vào năm 2011¹⁴. Theo Luật này, chữ ký sẽ được cấp có thời hạn 5 năm cho tất cả công dân Mông Cổ trên 16 tuổi. Người đứng đầu Tổng cục Đăng ký Nhà nước (Head of the General Authority for State Registration), D. Delgersaikhan cho biết: “*Chữ ký điện tử sẽ đảm bảo tính xác thực của tài liệu tương ứng. Vì một cơ chế xác nhận sẽ được sử dụng khi ký, nên nó sẽ được coi là giống như chữ ký viết tay*” và nhấn mạnh rằng chữ ký điện tử dễ sử dụng, tiết kiệm chi phí và có tính bảo

¹⁴ John D. Gregory (2019), *MONGOLIA: Legal Readiness for Crossborder Paperless Trade*, https://www.unescap.org/sites/default/files/Session%20_MONGOLIA%20legal%20readiness%20presentation.pdf, truy cập ngày 24/02/2023.

mật cao. Bằng cách đưa đầy đủ chữ ký điện tử vào thực tế, công dân và tổ chức có thể thực hiện công việc từ xa và có được một số dịch vụ nhất định, chẳng hạn như vay tiền kỹ thuật số và truy cập các dịch vụ công trên hệ thống E-Mongolia¹⁵.

Đến năm 2012, quốc gia này bắt đầu nghiên cứu về các thông lệ quốc tế và nước ngoài đã được thực hiện tại Estonia, Pháp, Đức và Nhật Bản. Năm 2015, nghiên cứu khả thi cho hệ thống Công chứng điện tử đã được thực hiện. Năm 2017, Mông Cổ chính thức thiết lập Hệ thống công chứng điện tử bằng việc ký hợp đồng với một công ty công nghệ thông tin tư nhân nội địa. Năm 2018, tất cả công chứng viên đều được tham gia tập huấn, cấp quyền sử dụng hệ thống và tập huấn cách sử dụng chương trình hệ thống công chứng điện tử.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, Luật Đăng ký nhà nước đã được thông qua, cho phép công chứng viên tiếp nhận, sử dụng, trao đổi thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đăng ký nhà nước và cấp cho công chứng viên quyền đại diện giữa công dân và cơ quan đăng ký nhà nước. Mục đích của Luật này là điều chỉnh các mối quan hệ chung liên quan đến việc xác định loại đăng ký, đảm bảo tính chính xác của đăng ký, cung cấp các điều kiện để cung cấp dịch vụ công nhanh chóng và duy trì đăng ký nhà nước, cũng như các nguyên tắc và loại đăng ký nhà nước, cơ sở dữ liệu tích hợp, cấu trúc, chức năng và toàn quyền của cơ quan đăng ký nhà nước¹⁶. Vào ngày 30 tháng 5 năm 2019, khi Luật Công chứng sửa đổi được thông qua, các công chứng viên đã được cấp quyền thực hiện các hoạt động kỹ thuật số và đăng ký kỹ thuật số. Pháp luật Mông Cổ nghiêm cấm chuyển giao quyền truy cập và sử dụng hệ thống điện tử cho người khác và trong trường hợp vi phạm, giấy phép hoạt động công chứng sẽ bị vô hiệu¹⁷.

Như vậy, hệ thống công chứng điện tử của Mông Cổ có thể hoạt động cả ở chế độ trực tuyến và ngoại tuyến, dựa trên dấu vân tay và chữ ký điện tử, cho phép trao đổi dữ liệu thông tin thông qua kết nối với hệ thống dữ liệu của Nhà nước và các đơn vị khác.

¹⁵ Munkhzul.A (2022), *Electronic signatures begin to be issued for citizens*, <https://montsame.mn/en/read/296093>, truy cập ngày 24/02/2023.

¹⁶ Truy cập tại: <https://legalinfo.mn/mn/detail/15585>.

¹⁷ Khanh, B.N., Linh, P.X. (2022), *Electronic Notarization in the Context of Digital Transformation in Vietnam: Challenges and Recommendations*, *International Transaction Journal of Engineering, Management, & Applied Sciences & Technologies*, 13(9), 13A9U, p.1-13, <http://TUENGR.COM/V13/13A9U.pdf>, DOI: 10.14456/ITJEMAST.2022.189.

Có thể nhận thấy rằng, pháp luật cũng như cách tiếp cận về công chứng số (công chứng điện tử) tại Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Mông Cổ có nhiều điểm khác nhau. Chẳng hạn, Mông Cổ sử dụng công cụ điện tử cho toàn bộ quy trình công chứng từ khâu tiếp nhận hồ sơ, xử lý hồ sơ đến việc công chứng viên chứng nhận văn bản công chứng thông qua chữ ký số và đóng dấu số; trong khi đó, Hoa Kỳ và Hàn Quốc chỉ sử dụng trong một công đoạn của quy trình công chứng. Tuy nhiên, về cơ bản, khi áp dụng công chứng số thì hoạt động công chứng vẫn được thực hiện theo các quy trình truyền thống, việc ứng dụng công nghệ, kỹ thuật số mang tính chất hỗ trợ cho các công đoạn hoặc công việc cụ thể trong quy trình đó để công việc trở nên đơn giản về dễ dàng thực hiện hơn.

Từ những phân tích trên, Việt Nam có thể đúc kết tham khảo một số bài học liên quan đến công chứng số mà các quốc gia đã mang lại như: (1) Khi bắt đầu ứng dụng công chứng số phải bắt đầu từ việc xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung để lưu trữ và xử lý dữ liệu ở phạm vi quốc gia, đưa các bước của quy trình công chứng được thực hiện trực tuyến thông qua công cụ điện tử; (2) Nghiên cứu chế độ trực tuyến và ngoại tuyến trong hệ thống công chứng điện tử, theo đó dựa trên dấu vân tay và chữ ký điện tử, cho phép trao đổi dữ liệu thông tin thông qua kết nối với hệ thống dữ liệu của Nhà nước và các cơ quan, đơn vị khác và (3) Nghiên cứu công nghệ chống giả mạo trong công chứng điện tử bằng cách yêu cầu xác thực đa yếu tố và bổ sung trong pháp luật hiện hành.

4. Thực trạng pháp luật Việt Nam về công chứng số

4.1. Một số kết quả

Thứ nhất, Bộ Tư pháp đã triển khai sử dụng phần mềm Master và phát triển các công cụ tin học đáp ứng việc xây dựng mạng công chứng trên phạm vi toàn quốc từ rất sớm¹⁸. Mục đích của phần mềm này là phân tích những nhu cầu của các Phòng Công chứng, bảo đảm việc xây dựng một phiên bản thích ứng từ phần mềm Master, thiết lập và đảm bảo an toàn cho mạng công chứng quốc gia và thực hiện những nghiên cứu để tìm ra giải pháp lưu trữ điện tử. Theo đó, hầu hết hồ sơ đều lưu tương đối đầy đủ các văn bản và giấy tờ cần thiết theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm và tra cứu hồ

¹⁸ Thực hiện theo thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Pháp từ ngày 14 tháng 8 năm 2003 và theo Dự án Tin học hoá công chứng của Bộ Tư pháp.

sơ khi cần thiết¹⁹. Bên cạnh đó, một số Phòng công chứng tự xây dựng các phần mềm để quản lý hoạt động công chứng trong nội bộ đơn vị. Bởi, kỹ thuật công nghệ xuất hiện càng rầm rộ và ngày càng hiện đại thì các thủ đoạn, kỹ thuật làm giả hết sức tinh vi, nếu dựa vào “mắt thường” của công chứng viên thì rất khó nhận biết được. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người yêu cầu công chứng, tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên phải tuân thủ các quy định của pháp luật khi hành nghề và chuẩn bị định hướng trang bị kiến thức sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại như kính hiển vi, phần mềm, ... để vận dụng trong quá trình kiểm tra giấy tờ, chứng nhận nội dung hợp đồng, giao dịch.

Thứ hai, Luật Công chứng năm 2014 đã quy định về cơ sở dữ liệu công chứng (Điều 62). Theo đó, cơ sở dữ liệu công chứng bao gồm các thông tin về nguồn gốc tài sản, tình trạng giao dịch của tài sản và các thông tin về biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với tài sản có liên quan đến hợp đồng, giao dịch đã được công chứng. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương và ban hành quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng. Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng và các bộ, ngành có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng và quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu công chứng tại các địa phương. Đây được xem là “đòn bẩy” và cơ sở quan trọng cho việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng. Các địa phương đều có kế hoạch xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng, nhiều phần mềm trong hoạt động công chứng được sử dụng (như phần mềm quản lý hồ sơ công chứng VSD²⁰, phần mềm quản lý hồ sơ Uchi²¹, phần mềm quản lý dữ

¹⁹ Tiền Giang đã áp dụng các phần mềm quản lý công chứng, trong đó có phần mềm Master. Qua thời gian thực hiện, phần mềm Master đã gặp sự cố và không còn hiệu quả. Để khắc phục điều này, Sở Tư pháp đã phối hợp với Sở Thông tin – Truyền thông và Viễn thông Tiền Giang (VNPT Tiền Giang) xây dựng hệ thống phần mềm quản lý công chứng thay thế phần mềm Master. Phần mềm mới này sẽ được kết hợp thêm về cơ sở dữ liệu chứng thực quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở được thực hiện tại Ủy ban Nhân dân cấp xã. Theo Bạch Dương (2020), “Nâng tầm công tác quản lý dữ liệu công chứng tại Tiền Giang”, <https://baophapluat.vn/nang-tam-cong-tac-quan-ly-du-lieu-cong-chung-tai-tien-giang-post376212.html>, truy cập ngày 23/02/2023.

²⁰ Phần mềm này cung cấp đầy đủ các tính năng, tiện ích giúp giải quyết các nghiệp vụ công chứng như giao dịch công chứng, quản lý hợp đồng, theo dõi trạng thái thay đổi của tài sản trên hợp đồng hay văn bản, quản lý lịch sử giao dịch công chứng, tra cứu và tìm kiếm thông tin cần thiết, tạo và gửi các thông tin có liên quan đến các cơ quan có liên quan hoặc gửi tới nội bộ, hỗ trợ duyệt, hủy, tạo bản phụ lục, in hợp đồng và văn bản, phân loại quản lý theo từng danh mục...

²¹ Phần mềm này cung cấp nhiều tính năng ưu việt để kiểm tra thông tin, quản lý thông tin ngăn chặn, hợp đồng công chứng, hỗ trợ và cung cấp mẫu soạn thảo hợp đồng công chứng. Đây là kênh trao đổi thông tin

liệu công chứng CeNM²², phần mềm quản lý hồ sơ online H2-QLCC²³, phần mềm quản lý hồ sơ công chứng Project Software²⁴...).

Thứ ba, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 172/NQ-CP vào ngày 19/11/2020 về chính sách phát triển nghề công chứng xác định: *Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng, đáp ứng yêu cầu của việc xây dựng Chính phủ điện tử và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*; chuẩn hóa quy trình, thủ tục công chứng cùng với việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng, tiến tới thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch trên môi trường điện tử; nâng cao trách nhiệm trong công tác phối hợp của các bộ, ngành với Bộ Tư pháp về tổ chức và hoạt động công chứng, đặc biệt là trong việc chia sẻ thông tin, liên thông các thủ tục hành chính; rà soát, bổ sung quy định về tài chính trong việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu liên quan đến hoạt động công chứng làm cơ sở cho việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực công chứng;... Đây là một văn bản hết sức phù hợp của Chính phủ trong tiến trình xây dựng Chính phủ điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và phát triển nghề công chứng ổn định, bền vững nhằm tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận dịch vụ công chứng, bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, phòng ngừa tranh chấp, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức; đổi mới hoạt động công chứng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và cải cách tư pháp, đưa hoạt động công chứng Việt Nam hội nhập với khu vực và thế giới.

4.2. Một số hạn chế

Hiện nay, hoạt động công chứng tại Việt Nam chưa hoàn toàn (hoặc không hẳn) là công chứng số (công chứng điện tử). Mặc dù, Luật Công chứng năm 2014 đã đề cập đến việc xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng, nhưng khi so sánh với các quốc gia khác (Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Mông Cổ,...) thì có thể nhận thấy rằng, Việt Nam chưa có một chiến lược

hiệu quả giữa Hội công chứng viên, Sở Tư Pháp tới các tổ chức công chứng, hỗ trợ in hợp đồng công chứng theo quy định, lập báo cáo...

²² Thông qua các tính năng phân hệ của hồ sơ công chứng, phân hệ quản lý tài sản – tài chính, quản lý hồ sơ đương sự, phân hệ kiểm tra ngăn chặn các hồ sơ giao dịch, tài sản nằm trong danh sách ngăn chặn, các phương tiện.

²³ Phần mềm này được tạo ra nhằm hỗ trợ cho quy trình quản lý nghiệp vụ hồ sơ công chứng – chứng thực. H2-QLCC được tạo ra trên nền tảng Windows Presentation Foundation, một nền tảng cho phép người dùng có thể tạo ra ứng dụng trên nền .NET framework cho Windows.

²⁴ Phần mềm này giúp tối giản các thao tác nghiệp vụ và tự động lại các thông tin về tài sản, hợp đồng, lịch sử giao dịch. Mang tới nhiều tính năng hữu ích giúp công việc quản lý hồ sơ công chứng trở nên nhanh chóng và hiệu quả. Quả thực đây là một sự lựa chọn lý tưởng để hỗ trợ cho công việc.

dài hạn về ứng dụng công nghệ thông tin, dẫn đến những quy định liên quan còn khá sơ sài, chưa thực sự khoa học và tồn tại nhiều hạn chế:

Thứ nhất, quy định của pháp luật liên quan đến việc cập nhật, lưu trữ và khai thác dữ liệu chưa thực sự rõ ràng và thống nhất²⁵. Những thông tin nào bắt buộc phải đưa vào cơ sở dữ liệu, mức độ chi tiết đến đâu, thời hạn cập nhật như thế nào; ai được quyền tiếp cận, sửa chữa, thay thế, xóa bỏ dữ liệu; giá trị pháp lý của các thông tin trên cơ sở dữ liệu như thế nào, chế tài xử lý khi có vi phạm việc khai thác và sử dụng dữ liệu ra sao thì ở mỗi địa phương có một cách quy định khác nhau. Giá trị pháp lý của kết quả tra cứu dữ liệu cũng là một câu hỏi chưa có giải đáp. Thực tế tồn tại nhiều trường hợp tài sản của công dân bị hạn chế giao dịch một cách phi lý vì cơ sở dữ liệu công chứng có ghi nhận thông tin về tài sản mà nội dung thông tin đó theo ý chí chủ quan (vì sự cẩn trọng) của công chứng viên đánh giá là có nguy cơ tạo ra rủi ro đối với các giao dịch tiếp theo.

Thứ hai, những quy định liên quan đến việc cập nhật thông tin lên cơ sở dữ liệu là chưa bắt buộc, hoặc bắt buộc nhưng chưa có biện pháp kiểm soát hữu hiệu²⁶. Thực tế này dẫn đến tình trạng, các tổ chức hành nghề công chứng phát hành hồ sơ công chứng mà không lưu trữ hồ sơ, không vào sổ công chứng, không cập nhật cơ sở dữ liệu. Tình trạng này xảy ra chủ yếu đối với các giao dịch ủy quyền, giao dịch về động sản, ô tô, xe máy... Nguyên nhân chính xuất phát từ việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa tương xứng với sự phát triển các nhu cầu giao dịch trong hoạt động công chứng, chưa đáp ứng yêu cầu ngăn ngừa các hành vi lừa đảo, lợi dụng công chứng để hợp pháp hóa các giao dịch bất hợp pháp, gây mất trật tự an toàn xã hội; công tác quản lý nhà nước còn thiếu công cụ hỗ trợ cần thiết trong bối cảnh xã hội hóa mạnh mẽ hoạt động công chứng; tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên chưa phát huy được trách nhiệm tự quản.

Thứ ba, hành lang pháp lý cho việc xây dựng công chứng số tiến tới chuyển đổi số hoạt động công chứng mới chỉ dừng lại ở mức có chủ trương, định hướng, kế hoạch chứ

²⁵ Điều 40 Luật Công chứng năm 2014 quy định trình tự, thủ tục công chứng như sau: CCV kiểm tra *giấy tờ* trong hồ sơ yêu cầu công chứng; Người yêu cầu công chứng đồng ý toàn bộ nội dung trong dự thảo hợp đồng, giao dịch thì *ký vào từng trang* của hợp đồng, giao dịch. CCV yêu cầu người yêu cầu công chứng xuất trình *bản chính* của các giấy tờ quy định nêu trên này để đối chiếu trước khi ghi lời chứng, ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch.

²⁶ Điều 62 Luật Công chứng năm 2014 quy định cơ sở dữ liệu công chứng bao gồm các thông tin về nguồn gốc tài sản, tình trạng giao dịch của tài sản và các thông tin về biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với tài sản có liên quan đến hợp đồng, giao dịch đã được công chứng. Quy định trên hàm chứa nội dung điều chỉnh đối với “dữ liệu” (thông tin) nhiều hơn là quy trình.

chưa có các quy định mang tính chất cụ thể. Công nghệ số đang phát triển với tốc độ rất nhanh chóng, đặt ra hàng loạt vấn đề mới, cần có hành lang pháp lý điều chỉnh theo kịp với sự phát triển đó. Thực tế triển khai chuyển đổi số ở các ngành, lĩnh vực thời gian vừa qua cho thấy hành lang pháp lý chưa được xây dựng song song với quá trình xây dựng hệ thống kỹ thuật và quy trình tác nghiệp. Việc xây dựng cơ sở pháp lý chưa có sự đồng bộ với các giải pháp cụ thể về chuyển đổi số của ngành công chứng, trong đó bao gồm cả giải pháp kỹ thuật, các tiêu chuẩn sẽ áp dụng, lộ trình thực hiện. Trong số các chủ đề về pháp lý cần được xây dựng hoặc điều chỉnh để thích ứng với yêu cầu mới của thực tiễn phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số, nhóm các nước thuộc Tổ chức Hợp tác phát triển kinh tế (OECD) đã đề xuất ba trụ cột quan trọng và cần được ưu tiên hoàn thiện. Đó là: (i) Bảo vệ dữ liệu, (ii) An toàn thông tin và (iii) Bản quyền/sở hữu trí tuệ²⁷.

5. Những kinh nghiệm tham khảo hoàn thiện pháp luật về công chứng số ở Việt Nam

Thứ nhất, hành lang pháp lý liên quan đến công chứng điện tử không nên và không thể chỉ dừng lại ở Luật Công chứng (chủ yếu quy định về hình thức và trình tự, thủ tục thực hiện công chứng), mà cần có sự thay đổi cơ bản về giá trị và cách sử dụng văn bản công chứng điện tử với các thủ tục khác mà văn bản công chứng là một thành phần “đầu vào” (như thủ tục đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản sau khi chuyển nhượng, thủ tục nộp thuế...). Để thực hiện được điều này, tất yếu là quy định về các thủ tục hành chính và thủ tục (không phải hành chính) của tổ chức có liên quan (tổ chức tín dụng...) cũng cần thay đổi, cho phép nhận và xử lý hồ sơ điện tử. Điều này dẫn đến một thay đổi lớn trong toàn bộ hệ thống pháp luật Việt Nam, đặc biệt là các quy định về đất đai, dân sự, nhà ở, thương mại, doanh nghiệp, thuế²⁸.

Thứ hai, quy định chi tiết về việc xây dựng Cơ sở dữ liệu công chứng tập trung (do Bộ Tư pháp quản lý, vận hành) có quy mô toàn quốc để lưu giữ toàn bộ các hồ sơ công chứng có giá trị chứng cứ, lưu giữ hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến hoạt động công chứng và chứng thực. Mở rộng quy định công nhận giá trị chứng cứ của văn bản công chứng do công chứng viên chứng nhận, ký bằng chữ ký số và được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu công

²⁷ Phạm Sỹ Thành, *Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho chuyển đổi số*, Tạp chí Kinh tế Sài Gòn, ngày 26/12/2020, <https://www.thesaigontimes.vn/312007/hoan-thien-khuon-kho-phap-ly-cho-chuyen-doi-so.html>, truy cập ngày 24/02/2023.

²⁸ Phan Thị Bình Thuận, *Công chứng điện tử tại Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 20 (420), tháng 10/2020.

chứng tập trung²⁹. Chỉ bắt buộc công chứng viên phải trực tiếp thực hiện một số công đoạn mà không thể chuyển giao hoặc thay thế như: Chứng kiến các bên giao kết hợp đồng, giao dịch, giải thích hậu quả pháp lý, kiểm tra năng lực hành vi và ý chí chủ thể, ký chứng nhận hồ sơ công chứng. Các công đoạn khác phục vụ việc công chứng thì cho phép công chứng viên có thể chuyển giao cho trợ lý thực hiện và đồng chịu trách nhiệm.

Thứ ba, lộ trình xây dựng công chứng số Việt Nam cần phải phù hợp với lộ trình chung của Chính phủ. Để thực hiện được lộ trình này, cần triển khai đồng bộ các biện pháp, trong đó cần ưu tiên xây dựng hành lang pháp lý cho hoạt động chuyển đổi số, tạo cơ sở cho việc nghiên cứu phương án xây dựng và triển khai công chứng số. Trong đó dành sự ưu tiên cho cơ sở dữ liệu công chứng tập trung, vì đây là nền tảng cho các hệ thống và quy trình tác nghiệp khác. Dự kiến để đưa vào vận hành được cơ sở dữ liệu công chứng tập trung cùng các hệ thống thành phần gồm: Hệ thống công chứng trực tiếp, hệ thống xác minh dữ liệu và hệ thống báo cáo, thống kê, cảnh báo, quản lý thông tin ngăn chặn. Riêng hệ thống công chứng trực tuyến có thể triển khai ở giai đoạn sau, đây là hệ thống tương đối phức tạp và đòi hỏi cao về công nghệ, do vậy cần tận dụng tối đa khả năng đón đầu về công nghệ và kết nối liên thông dữ liệu³⁰.

6. Kết luận

Chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ ở nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là đối với hoạt động tư pháp nói chung và hoạt động công chứng nói riêng. Vì vậy, nếu có hành lang pháp lý phù hợp, các quốc gia hoàn toàn có thể xác minh và công nhận giá trị pháp lý đối với văn bản được ban hành bởi quốc gia khác mà không cần phải thông qua thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự. Hoạt động công chứng có thể thực hiện xuyên biên giới bởi sự hợp tác, phối hợp của công chứng viên ở các quốc gia khác nhau. Mặc dù mục tiêu này cần có nhiều thời gian hơn để có thể thực hiện, nhưng ngay từ bây giờ, Việt Nam cần đặt ra và hướng tới để tạo tiền đề cho quá trình hội nhập quốc tế. Nhìn chung, việc đưa dịch vụ công chứng trực tuyến lên cổng dịch vụ công quốc gia có thể sẽ là một bước đi lớn của chính

²⁹ Vũ Thị Lý, Khái quát về tình hình thực hiện Luật Công chứng năm 2014 và giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động công chứng, Tạp chí Nghề luật, Số 1/2022, tr.14- 21, ISSN.1859-3631.

³⁰ Đào Duy An (2022), *Lý luận và thực tiễn về công chứng số tại Việt Nam*, <https://daoduyan.com/2022/02/ly-luan-va-thuc-tien-ve-cong-chung-so-tai-viet-nam/>, truy cập ngày 25/02/2023.

phủ Việt Nam trong công tác quản lý hành chính công, mang lại lợi ích lâu dài cho người dân cũng như doanh nghiệp, tổ chức./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Thị Bình Thuận, *Công chứng điện tử tại Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 20 (420), tháng 10/2020;
2. Vũ Thị Lý (2022), *Khái quát về tình hình thực hiện Luật Công chứng năm 2014 và giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động công chứng*, Tạp chí Nghề luật, Số 1/2022.
3. Phạm Sỹ Thành (2023), *Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho chuyển đổi số*, Tạp chí Kinh tế Sài Gòn, ngày 26/12/2020, <https://www.thesaigontimes.vn/312007/hoan-thien-khuon-kho-phap-ly-cho-chuyen-doi-so.html>, truy cập ngày 24/02/2023;
4. Alerts (2020), *Remote Online Notarization and COVID-19*, <https://www.huschblackwell.com/>, truy cập ngày 23/02/2023;
5. DocuSign Contributor (2023), *A Guide to Remote Online Notarization*, <https://www.docusign.com/blog/>, truy cập ngày 23/02/2023;
6. Gartner (2021), *Inc: Information Technology Glossary “Digitization”*, <https://www.gartner.com/>, truy cập ngày 22/02/2023;
7. Guy Pearson (2022), *Online notarization vs. electronic notarization*, <https://notary.pandadoc.com/blog/online>, truy cập ngày 22/02/2023;
8. John D. Gregory (2019), *MONGOLIA: Legal Readiness for Crossborder Paperless Trade*, <https://www.unescap.org/sites/default/files/.pdf>, truy cập ngày 24/02/2023;
9. Khanh, B.N., Linh, P.X. (2022), *Electronic Notarization in the Context of Digital Transformation in Vietnam: Challenges and Recommendations*, *International Transaction Journal of Engineering, Management, & Applied Sciences & Technologies*, 13(9), 13A9U, <http://TUENGR.COM/V13/13A9U.pdf>, DOI: 10.14456/ITJEMAST.2022.189;
10. Korean Notaries Association (CAN) (2020), *Notarization System in Korean*, <http://www.koreanotary.or.kr/wp-content/uploads/2014/10/KNA-presentation.pdf?>, truy cập ngày 24/02/2023;

11. Munkhzul.A (2022), *Electronic signatures begin to be issued for citizens*, <https://montsame.mn/en/read/296093>, truy cập ngày 24/02/2023;
12. National Association of Secretaries of State (2022), *Remote Electronic Notarization Task Force*, <http://www.nass.org/initiatives/>, truy cập ngày 23/02/2023;
13. Notarize (2021), *A Peek Inside the US Economy: Here's What America Notarized in 2020*, <https://www.notarize.com/blog/>, truy cập ngày 23/02/2023;
14. Uniform Law Commission (2022), *Electronic Transactions Act*, <https://www.uniformlaws.org/committees/communityhome>, truy cập ngày 23/02/2023;